

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN LPBANK  
LPBANK SECURITIES  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 488/2026/BC-LPBS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2026  
Ho Chi Minh City, August 20, 2026

## **BÁO CÁO/REPORT**

### **KẾT QUẢ PHÂN PHỐI CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM RESULTS OF THE DISTRIBUTION OF COVERED WARRANTS**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 358/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/08/2026)

(Certificate of registration for offering covered warrants No. 358/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 11/08/2026)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
To: State Securities Commission**

Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank

Name of issuing organization: LPBank Securities Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hoà, TP. Hồ Chí Minh

Head office address: 4<sup>th</sup> Floor, 257 Dien Bien Phu Office Building, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Số điện thoại/Phone number: (028)7309 8198 Số Fax/Fax number: (028)3514 6799

Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không có

Name and address of the underwriting organization (if any): None

#### **I. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm phát hành/Information about the issued covered warrants**

##### **1. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm/Information about covered warrants**

- Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền HPG/LPBS/Call/EU/Cash/6M/36
- Name of the covered warrant: HPG/LPBS/Call/EU/Cash/6M/36 Covered Warrant
- Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
- Code of covered warrant (in case of supplementary issuance announcement): None
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: HPG
- Name (code) of the underlying security: HPG
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
- Issuer of the underlying securities: Hoa Phat Group Joint Stock Company
- Loại chứng quyền: Chứng quyền Mua
- Type of warrant: Call Warrant



- Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- *Type of exercise: A warrant under which the warrant holder may exercise the rights only on the expiry date*
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (Việt Nam đồng)
- *Settlement Method: Cash-settled warrant (VND)*
- Thời hạn: **6 tháng**
- *Duration: 6 months*
- Ngày đáo hạn: 15/02/2027
- *Expiration date: February 15, 2027*
- Tỷ lệ chuyển đổi: **3:1**
- *Conversion ratio: 3:1*
- Giá thực hiện: **21.000 đồng**
- *Exercise price: VND 21,000*
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 26.250.000.000 đồng
- *Value of Settlement Collateral: VND 26,250,000,000*

## 2. Thông tin đợt chào bán/*Information on the offering*

- Ngày bắt đầu chào bán: 14/08/2026
- *Start date of sales: August 14, 2026*
- Ngày hoàn thành phân phối: 19/08/2026
- *Date of completion of distribution: August 19, 2026*
- Thời gian nhận đăng ký mua: **Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.**
- *Registration period for purchase: From 09:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- Ngày thanh toán tiền mua chứng quyền: Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.
- *Payment date for warrants: From 09:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- Ngày kết thúc chuyển giao chứng quyền: 19/08/2026
- *Date of completion of warrant transfer: August 19, 2026*

## II. Kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm/*Results of the distribution of covered warrants*

| Đối tượng mua chứng quyền<br><i>Buyers of warrants</i>                         | Giá chào bán (đồng/ chứng quyền)<br><i>Offering price (VND/warrant)</i> | Số lượng chứng quyền chào bán<br><i>Number of warrants offered</i> | Số lượng chứng quyền đăng ký mua<br><i>Number of warrants subscribed for purchase</i> | Số lượng chứng quyền được phân phối<br><i>Number of warrants of distributed</i> | Số người đăng ký mua<br><i>Number of people who registered to buy</i> | Số người được phân phối<br><i>Number of people allocated</i> | Số chứng quyền chưa phân phối<br><i>Number of undistributed warrants</i> | Tỷ lệ chứng quyền phân phối<br><i>Distribution warrant ratio</i> |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó:<br><i>1. Individual investors, including:</i> | 1.168                                                                   | 21.000.000                                                         | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            | 21.000.000                                                               | 0 %                                                              |
| - Nhà đầu tư trong nước<br><i>- Domestic investors</i>                         |                                                                         |                                                                    | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            |                                                                          | 0 %                                                              |
| - Nhà đầu tư nước ngoài<br><i>- Foreign investors</i>                          |                                                                         |                                                                    | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            |                                                                          | 0 %                                                              |



| Đối tượng<br>mua chứng quyền<br><i>Buyers of warrants</i>                            | Giá chào bán<br>(đồng/<br>chứng quyền)<br><i>Offering price<br/>(VND/warrant)</i> | Số lượng<br>chứng<br>quyền<br>chào bán<br><i>Number of<br/>warrants<br/>offered</i> | Số lượng<br>chứng quyền<br>đăng ký mua<br><i>Number of<br/>warrants<br/>subscribed<br/>for purchase</i> | Số lượng<br>chứng<br>quyền được<br>phân phối<br><i>Number of<br/>warrants of<br/>distributed</i> | Số người<br>đăng ký mua<br><i>Number of<br/>people who<br/>registered to<br/>buy</i> | Số người<br>được phân<br>phối<br><i>Number of<br/>people<br/>allocated</i> | Số chứng<br>quyền chưa<br>phân phối<br><i>Number of<br/>undistributed<br/>warrants</i> | Tỷ lệ chứng<br>quyền phân<br>phối<br><i>Distribution<br/>warrant<br/>ratio</i> |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 2. Nhà đầu tư có tổ chức, trong đó:<br><i>2. Institutional investors, including:</i> |                                                                                   |                                                                                     | 0                                                                                                       | 0                                                                                                | 0                                                                                    | 0                                                                          |                                                                                        | 0 %                                                                            |
| - Nhà đầu tư trong nước<br><i>- Domestic investors</i>                               |                                                                                   |                                                                                     | 0                                                                                                       | 0                                                                                                | 0                                                                                    | 0                                                                          |                                                                                        | 0 %                                                                            |
| - Nhà đầu tư nước ngoài<br><i>- Foreign investors</i>                                |                                                                                   |                                                                                     | 0                                                                                                       | 0                                                                                                | 0                                                                                    | 0                                                                          |                                                                                        | 0 %                                                                            |
| <b>Tổng cộng</b><br><i>Total</i>                                                     |                                                                                   | 21.000.000                                                                          | 0                                                                                                       | 0                                                                                                | 0                                                                                    | 0                                                                          | 21.000.000                                                                             | 0 %                                                                            |

### III. Tổng hợp kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm/*Summary of the results of the distribution of covered warrants*

1. Tổng số chứng quyền có bảo đảm đã phân phối: 0 chứng quyền, chiếm 0 % tổng số chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán.

1. *Total number of covered warrants distributed: 0 warrants, representing 0 % of the total number of covered warrants authorized for offering.*

2. Tổng số tiền thu từ việc bán chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng (có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm đính kèm).

2. *Total proceeds from the sale of covered warrants: VND 0 (with confirmation from the bank where the blocked account for receiving funds from the purchase of covered warrants attached).*

3. Tổng chi phí: 0 đồng

3. *Total cost: VND 0,000*

- Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng

- *Underwriting fee: VND 0,000*

- Phí phân phối chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng

- *Fee for distributing covered warrants: VND 0,000*

4. Tổng thu ròng từ đợt phân phối: 0 đồng

4. *Total net revenue from the distribution: VND 0,000*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**Nguyễn Duy Khoa**

10

10

10

